

Tên: _____

Ngày: _____

Lớp Học Vui

Tâm theo các bạn vào lớp học. Cửa sổ và cửa ra vào mở toang. Trong lớp vách sơn màu vàng nhạt. Mấy bức tranh màu treo ở trên tường. Sau bàn thầy giáo là chiếc bảng lớn. Bàn ghế học sinh đặt rất đều và gọn. Lớp học sáng sủa, sạch sẽ trông vui quá.

❖ Ngữ Vựng (Vocabulary)

OANG, ẮT, ON, ỨC

1. mở toang (wide open): mở rộng ra
2. đặt (to arrange): để ở một chỗ.
3. gọn (organized, in neat order): không chiếm mất nhiều chỗ, có thứ tự.
4. bức tranh (painting): họa sĩ sơn hay vẽ trên miếng giấy hay miếng vải rồi đóng khung.
5. hoang vu (wild, desert, desolate): chỗ vắng không người ở. Chỗ không người đến.
6. thoáng (ventilated): trong trạng thái không khí dễ lưu thông; không có đường nét rườm rà.
7. chặt chẽ (very close, to coordinate closely): kết hợp chặt chẽ không chỗ hở
8. chọn (to choose, to select, to pick): lựa chọn, kén chọn.
9. mực tím (purple ink): loại mực màu tím để ta viết trên giấy.
10. bức tường (wall): là một cái vách để ngăn chia hai bên.

Tên: _____

Ngày: _____

Tục Ngữ

Đoàn kết gây sức mạnh.
(In unity there is strength.)

Học Thuộc Lòng

Lớp Em

Lớp em tuy bé nhỏ,
Nhưng cũng khá đông người.
Cô giáo thật vui tươi,
Giảng bài thật tỏ rõ.

Đố Vui

Đố các em là con gì ?

Con gì ăn cỏ
Đầu có hai sừng
Lỗ mũi buộc thừng
Kéo cày rất giỏi

Câu trả lời : _____

Tên: _____

Ngày: _____

Bài Tập

❖ **Câu Hỏi:** Em hãy trả lời những câu hỏi sau đây:

1. Vách tường lớp em sơn màu gì ?

2. Tranh ảnh treo ở đâu ?

3. Bảng lớn đặt chỗ nào ?

4. Em học lớp mấy ?

5. Khung cảnh lớp em nhìn ra sao ?

❖ **Tập Làm Văn:** Các em hãy đặt câu với các từ ngữ sau đây:

1. mở toang

2. đặt

3. gọn

4. bức tranh

Tên: _____

Ngày: _____

❖ **Các em hãy chọn đúng chữ thích hợp cho những câu sau đây:**

❖ **Filling Blank: pick the words on the list below to complete sentences.**

[Hoang vu](#), [thoáng](#), [chặt chẽ](#), [chọn](#), [mục tím](#), [bức trường](#)

1. Hôm qua em học câu tục ngữ “ _____ bạn mà chơi”
2. Nhà chú em mới mua trông rất _____ và đẹp.
3. Nhà ở Việt Nam thường xây _____ bằng gạch.
4. Vùng sa mạc _____ người ta thường dùng Lạc Đà (camel) chở hàng.
5. Học trò ngày xưa ưa (thích) xài (dùng) _____.
6. Cô giáo nói bài văn của em có bố cục _____.

=====
❖ Reminder: Các em ôn bài cho tuần tới (09/29/07) sẽ có QUIZ

1. Chính tả (spelling)
2. Câu hỏi trong bài (question and answers)
3. Ngữ vựng (vocabulary)
4. Đặt câu (complete sentences)
5. Điền vào chỗ trống (filling blank)